

MỘT SỐ QUY CHẾ VỀ XÂY DỰNG DƯỚI THỜI NGUYỄN

(1802-1884)

PHAN TIẾN DŨNG*

Dưới thời Nguyễn (giai đoạn 1802-1884), nhằm khẳng định chủ quyền của một quốc gia thống nhất thì nhu cầu kiến thiết kinh đô để phục vụ sự điều hành của nhà nước phong kiến là vấn đề hết sức cấp bách. Để đáp ứng yêu cầu trên, Bộ Công và các cơ quan chuyên môn đã thiết lập một hệ thống nguyên tắc chặt chẽ liên quan đến vấn đề xây dựng. Những quy định, quy chế này chính là điều kiện để Kinh đô Huế và các tỉnh, thành có quy hoạch hoàn chỉnh. Đây cũng là cơ sở làm cho các công trình kiến trúc đảm bảo tính bền vững và mang tính thẩm mỹ cao.

I. QUY ĐỊNH KIỂU THỨC XÂY DỰNG THÀNH ĐÀI, NHÀ CỬA, LĂNG TẨM

1. Kích thước thành đài

Nhằm đảm bảo tính thống nhất về quy mô thành ở Kinh đô (Huế) và các tỉnh, thành trong cả nước, triều đình đã có quy định cụ thể kích thước của từng loại thành:

Ở Kinh đô: Kinh Thành có chu vi 2.487 trượng 3 thước (1 trượng = 10 thước, 1 thước = 0,425m, tổng cộng 10.571m), cao 1 trượng 5 thước (6,40m), thành có 10 cửa đều xây dựng bằng gạch 2 tầng (1).

Chính giữa thành Kinh đô, xây dựng Hoàng Cung, phía trước dựng Kỳ đài, sau

Hoàng thành là hệ thống công sở, kho tàng. Việc xây dựng cột cờ ở các tỉnh và ở Kinh đều do Bộ Công (tức là bộ phụ trách vấn đề xây dựng, quản lý đô điều, chế tác phương tiện vận tải, tham mưu các quy chế ...) làm quy thức gửi đến, căn cứ theo đó mà thực hiện.

Ở các tỉnh: Tuỳ theo địa hình, thành có chu vi từ 200, 300 trượng đến hơn 1.000 trượng, chiều cao chỉ được 1 trượng, xung quanh có hào bao bọc, chiều rộng của hào chỉ được 4 đến 5 trượng, thành có 4 cửa bố trí ở cửa trước, cửa sau, cửa tả, cửa hữu.

Việc quy định trên đây, nếu địa phương nào làm sai thì đều phải bắt tháo dỡ sửa lại, các quan phụ trách phải chịu trách nhiệm. Vào năm Minh Mạng thứ 16 (1835), vua có chỉ dụ cho Bộ Công sửa lại thành Phiên An như sau: "Thành Phiên An trước, kiểu mẫu quá cao rộng. Đó thực bởi Lê Văn Duyệt tiếm lạm, vượt bậc, để đến gây thành tai vạ về sau. Nay nghịch tặc đã yên, đáng nên sửa lại" (2).

2. Bố cục, kiểu thức nhà cửa

Về bố cục: Nhà làm việc các quan cấp tỉnh có 3 toà công đường, trong thành có kho tàng, nhà ngục. Số nhà ngục được xây dựng tuỳ theo số người bị giam nhiều hay ít. Ở trong thành còn bố trí các trại lính để

* Th.S. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

bố phòng và trông coi các cửa, ngoài ra còn có các chuồng voi, chuồng ngựa.

Về kiểu thức:

- Ở tỉnh, thành: Nhà Tổng đốc được xây dựng giống như nhà Thượng thư bao gồm 1 toà 3 gian 2 chái, 1 nhà bếp 2 gian 2 chái.

Nhà Tuần phủ được xây giống như nhà Tham tri bao gồm 1 toà 3 gian 2 chái, 1 nhà bếp 1 gian 2 chái.

Nhà Bố chính, Án sát được xây giống như nhà Thị lang gồm 1 toà 3 gian 2 chái. Nhà Lãnh binh thì giống như nhà Quản vệ. Xung quanh các nhà có xây tường gạch, phía trước, phía sau đều mở cửa.

- Ở huyện: Trong huyện đường nếu phải đặt 2 chức quan thì xây dựng 2 nhà Tả Hữu đều 3 gian 2 chái, bên Tả Tri phủ, Tri huyện, bên Hữu dành cho Đồng tri, Huyện thừa. Còn ở những huyện đường chỉ đặt 1 chức quan thì chính giữa dựng sảnh đường, mặt trước làm việc, mặt sau ở.

- Nhà ở các hành cung: Để phục vụ cho vua và các quan đi tuần, năm Gia Long thứ 3 (1804), vua lệnh cho Bắc thành và Gia Định thành xây một toà 5 gian 2 chái, còn ở các địa phương thì xây 1 toà 3 gian 2 chái. Năm Minh Mạng thứ nhất (1820), chuẩn cho Bộ Công vẽ kiểu thức thống nhất các hành cung đều dựng ở giữa toà chính 5 gian 2 chái, mặt sau 2 toà bếp, ở 2 bên tả hữu đều dựng nhà 3 gian 2 chái; 2 toà hành lang đều 5 gian, xung quanh có tường và có trại lính canh gác.

Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), những trường hợp xây sai quy chế đều bị triệt giải, như hành cung Hà Nội do quan Lê Chất chỉ huy làm đến 20 toà, hành cung Thanh Hoá xây trên 10 toà đã bị tháo dỡ, chỉ giữ lại những nhà nằm trong quy thức.

Đối với hệ thống các nhà trạm nổi tỉnh này với tỉnh khác trong cả nước, mỗi nơi chỉ

xây 1 nhà 5 gian 2 chái, dài 12 thước 8 tấc, ngang 8 thước 2 tấc.

- Nhà cửa của quan lại và dân chúng: Việc thiết kế, thi công và trang trí các loại nhà này đều phải tuân theo luật lệ, tất cả các loại nhà ở không được xây 2 cấp hay chồng mái. Nhà khách của quan đại thần Nhất phẩm và Nhị phẩm khi xây không được quá 7 gian và 9 vì kèo. Nhà ở của dân thường không được xây quá 3 gian 5 vì kèo và không được trang trí.

3. Đối với các lăng tẩm

Các công trình điện, đài, lăng mộ đều có các quy thức cụ thể cả về quy mô, kích thước và trang trí theo từng loại như: Vua, quan, thân vương, quận vương, phi tần... Riêng đối với các lăng vua có một số quy chế:

Bầu thành: Được cấu tạo thành 2 lớp trong và ngoài, bên cạnh việc giữ gìn bí mật nơi đặt thi hài nhà vua, Bộ Công còn thiết kế các thành cao hơn để hạn chế vi phạm.

Các tượng đá đặt trên sân châu: Sau khi Bộ Công thiết kế mẫu, vua sẽ phê duyệt, tiếp đó sẽ đưa cho thợ chế tác làm theo số lượng, theo sắc chỉ của vua Minh Mạng ban hành năm 1831: "Sai Bộ Công nghĩ về mẫu tượng đá quan văn, quan võ, lính thị vệ, voi đá, ngựa đá để tư đưa Thanh Hoá, Quảng Nam chế tạo. Tượng quan văn, võ mỗi thứ một đôi, 6 tượng thị vệ đều cao 3 thước 6 tấc, voi đá 2 con, mỗi con cao 2 thước 7 tấc, khi chế tạo xong đệ về Kinh. Vua sai đem bày ở lăng Thiên Thụ (lăng vua Gia Long)" (3).

Các mốc giới: Nhằm bảo vệ nghiêm túc các khu lăng tẩm của vua, chúa, Bộ Công đã tham mưu dựng các hoa biểu và các trụ để nhân dân biết khu vực cấm: "Ở chung quanh bốn bên đều đặt mốc cấm, xây cột gạch hoặc đắp gò đất. Ở trong mốc cấm, các việc kiếm củi, chăn dắt, lấy đất đá, đốt than đều cấm

cả" (4). Nếu ai vi phạm thì sẽ khép vào tội "Đại bất kính" (không kính trọng vua) và bị trị tội rất nặng, người trông coi cũng không tránh được tội và bị xử nghiêm.

4. Quy định về bảo vệ thành quách và mức phạt khi vi phạm

Thành quách là công trình quân sự quan trọng của quốc gia nên nghiêm cấm mọi xây dựng tại khu vực này. Trong phạm vi thành, việc xây đắp, đào ao hồ, xây nhà cửa, lều trại phải được sự cho phép của Nhà nước.

Đối với mặt ngoài Kinh thành, từ các chân thành bao ngoài đến chân thành trong, tuyệt đối không dựng quán lều, nếu vi phạm sẽ bị xử phạt 50 roi, buộc tháo dỡ, bồi hoàn mặt bằng.

Các sông lớn, nhỏ bao quanh bốn phía Kinh thành là để lưu thông nguồn nước và giao thông đi lại, nghiêm cấm trồng trọt ở hai bên cạnh dòng nước. Ai phạm sẽ bị phạt 100 trượng già hiệu (đóng gông đem bêu) một tháng. Tổng lý để xảy ra sự việc đều bị phạt 80 trượng, huyện viên cũng bị phạt tương tự.

Đối với những trường hợp xâm chiếm lòng đường, gây hư hại đường công cũng bị nghiêm trị: "Nếu ai đào thành, ao làm nghẹt cống rãnh, ngang ngược chiếm cứ, phóng uế phân súc vật, làm hư hại chân thành trong, ngoài các cống và bàn cờ các đường... đều bị xử trị" (5).

Việc quản lý các thành là một việc hệ trọng, trong đó tội vượt thành cũng đã được các bộ luật ghi rõ: "Phàm ai vượt qua Hoàng thành của vua của Việt Nam thì bị trị tội thất cổ, vượt qua Kinh thành thì bị 100 trượng, lưu đầy 3.000 dặm, vượt qua thành của phủ, châu, trấn, huyện cũng bị phạt 100 trượng, vượt qua tường thấp nơi công phủ phạt 80 trượng.

Đối với các mẫu, loại trang trí như rồng, phượng theo quy định chỉ được sử dụng cho

vua, nhà quan, dân bị cấm dùng, nếu vi phạm bị đánh 100 trượng, khép tội đồ 3 năm. Thợ làm ra những thứ này cũng bị phạt 100 trượng. Ai tố cáo sẽ được thưởng" (6).

II. QUY CHẾ VỀ VẬT LIỆU

1. Về mua bán vật liệu

Từ năm Gia Long thứ 3 (1804), nhằm độc quyền sử dụng một số vật liệu để xây dựng công trình của quốc gia, nhà vua đã ra chỉ dụ cấm dân gian không được bán các loại gỗ cấm (gỗ lim, táu, giáng hương) ai làm trái sẽ bị xử tội nặng. Thuyền buôn nước ngoài mua trộm các loại gỗ ấy cũng bị tội như thế. Nếu trước khi có dụ cấm mà lỡ bán thì phải trả tiền đúng giá và nộp hết cho quan.

Sau này, đến năm Minh Mạng thứ 12 (1831), nhà vua đã ra tiếp chỉ dụ cấm mua bán gỗ quý, đồng thời quy định mức phạt cho người bán lẫn người mua, không kể là lần đầu hay tái phạm. Những người đứng đầu quan xưởng chế tạo, nếu dùng vật liệu không đúng chỗ, làm hư hỏng hay lừa dối để đem về nhà cũng bị nghiêm trị. Người thấy không tố giác, người làm báo cáo che dấu cũng bị đưa ra xét xử.

2. Về việc sử dụng vật liệu quý vào công trình

Các vật liệu quý khi dùng vào công trình phải được Bộ Công trừ liệu lên kế hoạch. Khi xuất vàng, bạc để sơn thếp phải có sự giám sát của Hội đồng do các Nha, Bộ được vua chỉ định. Trường hợp nếu có bớt xén, thâm hụt thì những người thợ và các quan Hội đồng cũng bị tội, phải bồi hoàn. Tất cả hồ sơ liên quan đến thất thoát chuyển cho Bộ Hình tra xét và đề nghị mức tội.

3. Việc tiết kiệm vật liệu

Trong xây dựng, việc thực hành tiết kiệm là một nguyên tắc được nhà vua rất quan tâm và ra nhiều sắc dụ nhất. Từng

công trình, triều đình đã có các biện pháp cụ thể giao cho Giám lâm, Đồng lý, Chuyên biện quản lý chặt chẽ để tận dụng vật tư, tránh lãng phí. Năm Minh Mạng thứ 14 (1833), công trình xây dựng Ngọ Môn, Thái Hoà huy động 10.000 lính và thợ dưới sự chỉ đạo của Thượng thư Bộ Công Lê Đăng Doanh, vua Minh Mạng đến thị sát và đã có lời khuyên: Dùng gạch nát làm móng tường của Ngọ Môn, cần giữ lại những viên gạch lành để xây thêm. Đó cũng là việc kiệm ước. Trong quy chế, ở nơi nào xảy ra tình trạng thờ ơ để cho thợ và lính tự do làm, thì quan ở đó phải chịu trách nhiệm, nếu cứ để tái diễn "để chúng cố ý hay hoặc chẳng lưu tâm. Từ nay nếu còn gây tệ thì nghiêm ngặt xét xử, quyết không khoan thứ" (7).

III. QUY CHẾ VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH VÀ CHẾ ĐỘ THƯỞNG PHẠT

1. Tinh chất và thời gian bảo hành công trình

Các công trình lăng tẩm, thành trì, cầu bằng đá, gạch, thời gian bảo hành xây mới là 30 năm, tu bổ là 20 năm.

Các cung điện, đình tạ, lầu gác làm bằng gỗ tốt, lợp ngói, thời gian bảo hành xây mới 20 năm, tu bổ là 15 năm.

Phủ đệ, kho, xưởng làm bằng gỗ, lợp ngói thường, thời gian bảo hành xây mới là 15 năm, tu bổ là 10 năm.

Cầu đường làm bằng gỗ lim, thời gian bảo hành xây mới là 5 năm, tu bổ là 3 năm.

Đối với những trường hợp bảo lớn hoặc sự cố đặc biệt, phải có Hội đồng do nhà vua phái đến xem xét và kết luận.

2. Chế độ thanh kiểm tra

Hàng năm, Bộ Công được nhà vua giao trách nhiệm kiểm tra, đánh giá công trình và lên kế hoạch tu bổ, căn cứ vào mức độ và tình trạng hư hỏng của từng loại công

trình, Bộ Công phải chịu trách nhiệm trước triều đình về việc thanh tra trong phạm vi của Bộ. Tuy nhiên, nếu ở những nơi có vấn đề không bình thường thì Bộ Công cũng sẽ tiến hành kiểm tra đột xuất như ở các kho gỗ, kho đình... để biết số vật tư thực tế ở Kinh và các địa phương, như trường hợp năm Minh Mạng thứ 12 (1831), Thượng thư Bộ Công Nguyễn Kim Bảng đi kiểm tra kho tàng ở Thanh Ba (Thanh Hóa), quan Trấn thủ Hồ Văn Trương và Tham biện Nguyễn Văn Thắng để sát mộc bị thiếu, kết quả kiểm tra đã báo cáo lên vua. Sau đó, vua chuẩn y xử Hồ Văn Trương bị chém, Nguyễn Văn Thắng bị giảo và đều phải bồi hoàn vật tư.

Về định lệ thanh tra Bộ Công, do đây là Bộ quản lý nhiều loại vật tư, công trình lớn nên nhà vua cũng đã định lệ khoá thanh tra. Như năm Minh Mạng thứ 8 (1827), cho thanh tra các hoạt động chi tiêu, vật tư, tiền công công trình từ năm Gia Long thứ nhất (1802) đến năm Minh Mạng thứ 7 (1826).

3. Chế độ thưởng phạt

Thời Nguyễn, việc thưởng phạt trong xây dựng được chú trọng và được thể chế bằng văn bản cụ thể: "Từ nay về sau, gặp khi có các công trình to lớn như xây dựng đàn tế, tông miếu, cung điện, các viên Giám tu, Chuyên biện nào không chịu thận trọng trong khi xây dựng, sửa chữa, để đến nổi sứt đổ, nghiêng lún thì đều phải chiếu luật, gia mức nặng lên mà trị tội" (8)

Những quy định trên đã bắt buộc những người được giao phụ trách phải luôn nghiêm túc, nhiều trường hợp làm tốt đã được trọng thưởng, như khi tu bổ xong cung Gia Thọ (cung Diên Thọ) năm Tự Đức thứ 12 (1859), Thượng thư Bộ Công Trần Văn Trung, người chỉ đạo thi công được ban thưởng một đồng tiền vàng để "Sử dân phú thọ" (tức khiến cho

công trình, triều đình đã có các biện pháp cụ thể giao cho Giám lâm, Đồng lý, Chuyên biện quản lý chặt chẽ để tận dụng vật tư, tránh lãng phí. Năm Minh Mạng thứ 14 (1833), công trình xây dựng Ngọ Môn, Thái Hoà huy động 10.000 lính và thợ dưới sự chỉ đạo của Thượng thư Bộ Công Lê Đăng Doanh, vua Minh Mạng đến thị sát và đã có lời khuyên: Dùng gạch nát làm móng tường của Ngọ Môn, cần giữ lại những viên gạch lành để xây thêm. Đó cũng là việc kiệm ước. Trong quy chế, ở nơi nào xảy ra tình trạng thờ ơ để cho thợ và lính tự do làm, thì quan ở đó phải chịu trách nhiệm, nếu cứ để tái diễn "để chúng cố ý hay hoắc chẳng lưu tâm. Từ nay nếu còn gây tệ thì nghiêm ngặt xét xử, quyết không khoan thứ" (7).

III. QUY CHẾ VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH VÀ CHẾ ĐỘ THƯỞNG PHẠT

1. Tính chất và thời gian bảo hành công trình

Các công trình lăng tẩm, thành trì, cầu bằng đá, gạch, thời gian bảo hành xây mới là 30 năm, tu bổ là 20 năm.

Các cung điện, đình tạ, lầu gác làm bằng gỗ tốt, lợp ngói, thời gian bảo hành xây mới 20 năm, tu bổ là 15 năm.

Phủ đệ, kho, xưởng làm bằng gỗ, lợp ngói thường, thời gian bảo hành xây mới là 15 năm, tu bổ là 10 năm.

Cầu đường làm bằng gỗ lim, thời gian bảo hành xây mới là 5 năm, tu bổ là 3 năm.

Đối với những trường hợp bão lớn hoặc sự cố đặc biệt, phải có Hội đồng do nhà vua phái đến xem xét và kết luận.

2. Chế độ thanh kiểm tra

Hàng năm, Bộ Công được nhà vua giao trách nhiệm kiểm tra, đánh giá công trình và lên kế hoạch tu bổ, căn cứ vào mức độ và tình trạng hư hỏng của từng loại công

trình, Bộ Công phải chịu trách nhiệm trước triều đình về việc thanh tra trong phạm vi của Bộ. Tuy nhiên, nếu ở những nơi có vấn đề không bình thường thì Bộ Công cũng sẽ tiến hành kiểm tra đột xuất như ở các kho gỗ, kho đình... để biết số vật tư thực tế ở Kinh và các địa phương, như trường hợp năm Minh Mạng thứ 12 (1831), Thượng thư Bộ Công Nguyễn Kim Bảng đi kiểm tra kho tàng ở Thanh Ba (Thanh Hóa), quan Trấn thủ Hồ Văn Trương và Tham biện Nguyễn Văn Thắng để sát mộc bị thiếu, kết quả kiểm tra đã báo cáo lên vua. Sau đó, vua chuẩn y xử Hồ Văn Trương bị chém, Nguyễn Văn Thắng bị giảo và đều phải bồi hoàn vật tư.

Về định lệ thanh tra Bộ Công, do đây là Bộ quản lý nhiều loại vật tư, công trình lớn nên nhà vua cũng đã định lệ khoá thanh tra. Như năm Minh Mạng thứ 8 (1827), cho thanh tra các hoạt động chi tiêu, vật tư, tiền công công trình từ năm Gia Long thứ nhất (1802) đến năm Minh Mạng thứ 7 (1826).

3. Chế độ thưởng phạt

Thời Nguyễn, việc thưởng phạt trong xây dựng được chú trọng và được thể chế bằng văn bản cụ thể: "Từ nay về sau, gặp khi có các công trình to lớn như xây dựng đàn tế, tông miếu, cung điện, các viên Giám tu, Chuyên biện nào không chịu thận trọng trong khi xây dựng, sửa chữa, để đến nổi sứt đổ, nghiêng lún thì đều phải chiếu luật, gia mức nặng lên mà trị tội" (8)

Những quy định trên đã bắt buộc những người được giao phụ trách phải luôn nghiêm túc, nhiều trường hợp làm tốt đã được trọng thưởng, như khi tu bổ xong cung Gia Thọ (cung Diên Thọ) năm Tự Đức thứ 12 (1859), Thượng thư Bộ Công Trần Văn Trung, người chỉ đạo thi công được ban thưởng một đồng tiền vàng để "Sử dân phú thọ" (tức khiến cho

dân giàu có, sống lâu). Hữu Tham tri Bộ Công Phạm Chi Hương, Tiền quân Đô thống Lê Chí Tín, Biện lý Lê Đức, mỗi người được thưởng một đồng tiền vàng "Cát tường bát bửu" (tám điều quý, may mắn). Ngoài ra các viên chức cùng quân sỹ, thợ thuyền gồm 534 người được thưởng chung 500 quan, giao cho Bộ Công phân chia.

Tuy nhiên, đối với những việc làm không đến nơi đến chốn cũng bị xử lý nghiêm khắc như khi xây dựng ở lăng Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (mẹ vua Minh Mạng), do các quan Bộ Công chỉ đạo thiếu giám sát, xây hồ nhiều chỗ bị lệch nên vua đã ra chỉ dụ: "Tạ Quang Cự, Đặng Văn Thiêm thân làm Đại thần, đã chọn sai đi trông coi nên rất kính cẩn mới phải, mà lại chỉ nhất vị theo bọn giám thành chỉ bảo, không có chủ trương chút nào, giống như người lùn xem đám, rất phụ lòng ta đã uỷ thác cho" (9). Sau đó, Thượng thư Bộ Công Đặng Văn Thiêm (tương đương chức Bộ trưởng hiện nay) đã bị giáng chức xuống làm Tả Tham tri Bộ Công (tương đương chức Thứ trưởng). Trung quân Chuồng phủ Tạ Quang Cự bị giáng xuống làm Đô thống trung quân.

Đối với những trường hợp tham nhũng vật tư, tiền công, tất cả đều bị xử phạt nặng, như trường hợp Thư lại Bộ Công Nguyễn Bút giả mạo để lấy lương kho đã bị chém đầu tại chợ Đông ở Kinh đô Huế. Mọi vi phạm trên lĩnh vực xây dựng luôn được dán niêm yết tại các Nha môn, các công trình nhằm mục đích răn đe, đồng thời khuyến khích thưởng mọi người phát hiện ra kẻ có hành vi xấu.

IV. CÁC QUY TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN XÂY DỰNG

1. Chế độ báo cáo

Những công trình khi có sự cố hư hỏng, quan phụ trách phải trình báo cho Bộ Công

để trừ tính vật liệu, nhân công. Nếu không báo cáo để hư hỏng thêm thì quan sở tại phải chịu trách nhiệm. Nếu gởi công văn đến mà Bộ không giải quyết thì Bộ Công phải giải trình và bị phạt tội. Các báo cáo phải nêu rõ các mục công trình được làm năm nào, năm nào tu bổ lại, cái nào bị hư hại và đề xuất cách thức tiến hành.

Đối với các kho tàng chứa vật tư, ba tháng một lần phải làm sổ tấu lên, nếu quá hạn không báo cáo, Trưởng quan, Tả nhị, Lại điển và các quan khác phải bị phạt nặng.

2. Về lập dự toán và kế hoạch thực hiện

Khi tiếp nhận các báo cáo ở các địa phương, các Nha, Bộ gửi về (trước tháng 11 hàng năm), Bộ Công sẽ căn cứ vào hồ sơ đang lưu về thời hạn bảo hành, trách nhiệm quan phụ trách. Sau đó, Bộ Công lập dự toán và xây dựng kế hoạch để tấu trình vua phê duyệt. Bắt đầu từ tháng 12, các quan Bộ Công đến thực tế công trình tính toán kinh phí, nhân công thực hiện. Đầu tháng Giêng, các loại thợ được gọi đến công trường làm việc theo sự chỉ huy của các quan, giữa năm vào tháng 7, tùy theo yêu cầu từng công trường về công việc và khả năng kinh phí mà tăng hay giảm thợ.

Mặt dù đã có quy chế về quy mô, kích thước các loại công trình đã ban hành nhưng về kế hoạch, triều đình phải luôn lựa chọn những nơi xung yếu làm trước nhằm phù hợp với khả năng tài chính, như khi Bộ Công trình xin xây thành ở nhiều tỉnh, năm Minh Mạng thứ 10 (1829), nhà vua đã chuẩn: "Phủ huyện có thành và hào là để vững sự phòng thủ, những công trình to lớn không thể nhất tể xây đắp được nên Trẫm cho thi hành bắt đầu từ trấn Sơn Nam" (10).

Khi công việc chưa có kế hoạch mà tự ý chủ trương làm thì quan đó phải chịu trách

nhiệm. Đó là trường hợp Kinh doanh Thừa Thiên khi thấy sông Ngự Hà, các sông hộ thành bị bồi nhiều chỗ, đã không làm báo cáo lên mà huy động 1.000 dân đào và vét. Khi được nghe báo cáo, vua đã chi trả tiền công và cho mọi người về nhà nghỉ, riêng Kinh doanh phải giáng xuống 3 cấp.

3. Nghiệm thu công trình

Về thời gian quyết toán

Khi công trình xây dựng xong, việc thanh quyết toán phải tiến hành ngay. Tất cả văn bản liên quan và sự cam đoan bền vững công trình của quan Giám tu phải được kèm hồ sơ. Sau đó, Bộ Công trình nhà vua để mời Hội đồng gồm nhiều cơ quan chứng giám. Các thành viên nghiệm thu phải xem xét kỹ lưỡng về chất lượng công trình và nguồn kinh phí, nếu sau này có những sai sót, gian dối thì chính các quan này phải chịu trách nhiệm và bị phạt tội nặng.

Những công trình bình thường phải hoàn chỉnh toàn bộ hồ sơ trong thời hạn 3 tháng, nếu khó khăn hơn thì chỉ được thêm 2 tháng nữa tổng cộng là 5 tháng. Trường hợp quá phức tạp mà không kịp hoàn thành đúng thời gian thì người đứng đầu Bộ phải trực tiếp tấu trình lý do cụ thể lên nhà vua.

Về chế độ quản lý hồ sơ công trình xây dựng

Việc lưu trữ, quản lý hồ sơ xây dựng là một khâu hết sức quan trọng, vì những hồ sơ này liên quan đến việc thanh quyết toán kỹ thuật, tu sửa, thời hạn bảo hành và cả bí mật công trình quân sự nên những trường hợp để mất mát, thất lạc luôn bị nghiêm trị. Năm Minh Mạng thứ 21 (1840), tại Bộ Công đã xảy ra một vụ di lậu trong việc cung lục các dụ chỉ và mất mát sổ sách, chính phạm là một Lại điển bị phạt

100 trượng, bị đày lên cao nguyên, viên Tư vụ giáng 1 cấp vì không kiểm soát, viên Lang trung bị phạt bổng 1 năm, Trưởng quan của Bộ Công bị phạt bổng 9 tháng do thiếu trách nhiệm không kiểm tra, để xảy ra vụ việc.

Trong triều Nguyễn, những quy chế, quy định về xây dựng trên đây được duy trì với hệ thống pháp luật nên đã đảm bảo tính vận hành đồng bộ, mang tính thực thi cao. Những hiệu quả thể hiện rõ nét đó là:

- Để định ra quy định, kiểu thức cụ thể, Bộ Công cùng các cơ quan đã khảo sát, điều tra và đề xuất nội dung cụ thể. Từ đó vua phê duyệt, cho thực hiện đúng khả năng tài chính quốc gia.

- Công tác khảo sát, quy hoạch, thiết kế, tổ chức xây dựng được tiến hành mang tính khoa học. Công việc này được vua Gia Long, sau đó là vua Minh Mạng và các vua tiếp theo trực tiếp chỉ đạo. Trong đó, vai trò của các quan Bộ Công cùng các cơ quan chức năng là hết sức quan trọng. Từ đây, những công trình quy mô được hình thành, hệ thống quy chế chặt chẽ được ra đời và quá trình triển khai áp dụng mang tính thống nhất trong toàn quốc. Mặc dù các nguyên tắc, các quy chế đã ban hành, nhưng khi thực hiện có những điểm bất hợp lý, nhà vua đã có chỉ dụ cho Bộ Công và các Bộ tham mưu điều chỉnh, như kiểu thức, kích thước xây dựng Kinh thành khi bị mưa lụt làm hỏng như vào năm Minh Mạng thứ 17, 19 (1836, 1838), hoặc xây đắp cửa thành Nam Định năm Tự Đức thứ 14 (1861).

- Ở Kinh đô, lúc cao điểm có hàng trăm công trường cùng tiến hành xây dựng, có công trình huy động hàng vạn người, nhưng với việc bố trí quan lại phù hợp cách tổ chức, giám sát thi công cụ thể. Vì vậy, các quy trình luôn đảm bảo đồng bộ từ

khâu đầu đến khâu cuối, các công trình hoàn thành đúng thời hạn, chất lượng các hạng mục được nâng cao.

- Nhiều công trình lớn, thời gian làm việc và hoàn thành rất ngắn, chỉ trong một năm, nhưng qua gần 200 năm tồn tại vẫn đảm bảo tính bền vững như cửa Ngọ Môn, Điện Thái Hoà, tường của Hoàng Thành, Tử Cấm Thành, một số công trình ở các làng vua. Sự sáng tạo trong loại hình kiến trúc và trang trí mỹ thuật tinh xảo đã nói lên trình độ tư duy của quan lại, họ đã biết sử dụng tài năng của mình để thể hiện trên thực tiễn công việc.

- Cùng với việc điều hành tại chỗ hàng chục công trường, Bộ Công đã phối hợp với các Bộ thiết lập hệ thống tượng cuộc sản xuất vật tư, sản phẩm tại Kinh đô, đồng thời lại chủ động sản xuất bằng nguồn nguyên liệu đặc thù, nguồn nhân lực sẵn có ngay tại địa phương đó. Vì vậy, những lúc cao điểm cần hàng trăm triệu viên gạch ngói với hàng chục loại kiểu khác nhau nhưng luôn được cung ứng kịp thời.

Sự sáng tạo trong thiết kế, quy hoạch, kết hợp với việc điều hành có tính thống nhất đã làm cho tiến độ các công trình xây dựng ở Kinh đô cũng như các địa phương luôn nhịp nhàng đồng bộ, không bị gián đoạn. Bên cạnh đó, công việc xây dựng cũng đã kích thích tay nghề, sức sản xuất tại các làng nghề thủ công cùng phát triển.

V. NHẬN XÉT

1. Dưới triều Nguyễn, do Kinh đô mới được quy hoạch và xây dựng, nhu cầu cần thiết về xây dựng Kinh đô nói riêng, các công trình kiến trúc ở các địa phương nói chung, nên vấn đề thiết lập các quy chế về xây dựng là hết sức bức thiết. Với định chế rõ ràng và biện pháp thực thi mang tính

hiệu quả cao, nên hầu hết các vua Nguyễn luôn duy trì thực hiện, qua từng thời kỳ đã có sự bổ sung phù hợp.

2. So với các triều đại trước, triều Nguyễn đã có những quy chế hoàn chỉnh, thực thi thống nhất trong toàn quốc. Hệ thống quy chế này có sự kế thừa của những thế hệ trước và có sự cân nhắc trong thực tiễn bao gồm quy định các kiểu cách xây dựng, về sử dụng vật liệu, về trách nhiệm người điều hành, về bảo hành công trình, các thủ tục thời hạn giải quyết, chế độ lưu trữ...

Để đảm bảo chỉ đạo, ở cơ quan triều đình có Bộ Công và các cơ quan chuyên môn nhằm xây dựng quy chế và triển khai công việc, ở các địa phương cũng có các bộ phận đảm trách nhiệm vụ này. Như vậy, lĩnh vực xây dựng đã có hệ thống văn phòng để tham mưu; Hệ thống điều hành công trường và hệ thống giám sát. Ở địa phương có hệ thống tổ chức, hướng dẫn. Sự phân công rạch ròi này kết hợp với việc triển khai hàng trăm công trường quy mô lớn chứng tỏ triều Nguyễn đã có bước phát triển về lĩnh vực xây dựng.

3. Việc đánh giá năng lực quan lại thực thi công việc, việc xử phạt có tính công bằng đúng người, đúng tội đã khuyến khích mọi người nâng cao trách nhiệm. Người năng lực yếu kém vi phạm quy chế thì buộc phạt tiền, bồi thường, cách chức, tù đày thậm chí bị xử chém. Người làm tốt thì được tặng vật phẩm, thưởng tiền, thăng chức (hoặc được ghi vào hồ sơ sau 3 năm được cân nhắc thăng chức). Triều Nguyễn đã xử lý nghiêm bất kỳ ai nếu gây hậu quả, việc xử lý không kể tuổi tác, không kể chức vụ, cho dù trước đó họ là người có công, như trường hợp khi xây cửa Tường Loan (Tử Cấm Thành - Đại Nội), do làm cầu thả, một số chi tiết kỹ thuật không đảm

bảo thiết kế, mặc dù đã được nhà vua góp ý, nên chỉ huy xây cất Đào Trí, Lang trung Bộ Công Nguyễn Biểu mỗi người bị giáng 2 cấp. Thượng thư Bộ Công - Trần Văn Trung mới được thưởng do có công trong xây dựng vốn nên miễn phân xử, nhưng vì ông là Trưởng Bộ nên cũng bị giáng 2 cấp (11).

4. Việc mở rộng các hoạt động giám sát mang tính cộng đồng, ai phát hiện ra các sai trái thì được thưởng, ai cố tình che giấu hoặc làm ngơ sẽ bị buộc tội. Với việc xác định tài sản là công sức đóng góp của dân nên ai làm sai đều bắt phải bồi hoàn, ai vi phạm quy chế đều bị trừng trị. Điều này được vua Minh Mạng khẳng định: "Trẫm làm việc, chỉ giữ công bằng quyết không có lý nghị thân, nghị quý (vì chỗ họ hàng nhà vua hay chỗ chức tước quý trọng được nghị miễn tội hoặc giảm tội) phạm các em và con cháu, chớ nên coi khinh lấy thân để thử pháp luật. Gương sáng chẳng xa, ai nấy phải kính cẩn đó" (12).

5. Sự phối hợp giữa các cơ quan về thẩm quyền, thủ tục, thời hạn, xử lý công việc là một trong những biện pháp để đảm bảo hiệu lực các quy chế, vì vậy các công việc luôn thông suốt, không có ách tắc. Trên nguyên tắc những người vi phạm bản thân phải chịu trừng trị, nhưng những quan ở địa phương để xảy ra tình trạng xây nhà nơi cấm, các lộ giới vi phạm kiểu thức hư hỏng công trình không báo cáo... thì cũng bị liên đới trách nhiệm và bị xử tội. Qua việc định ra quy chế và sự nghiêm minh của pháp luật đã cho thấy các quy chế về xây dựng dưới triều Nguyễn được thực thi một cách nghiêm túc và trong thực tế đã không

để xảy ra tình trạng "ban" mà không "hành".

Những kinh nghiệm trên lĩnh vực xây dựng dưới triều Nguyễn được đúc rút là: Quy chế định ra phải bảo đảm tính thực tiễn, các điều quy định phải mang tính cụ thể, việc quy hoạch cần ổn định và đồng bộ; Chế độ trách nhiệm và cách xử phạt được thực hiện nghiêm minh, việc ban hành các cơ chế cụ thể để cho dân hiểu và giám sát; Chế độ quản lý lưu trữ hồ sơ, tài liệu công trình được chú trọng để thuận lợi khi tra cứu trách nhiệm, cũng như khi tu bổ công trình và lưu trữ lâu dài cho những thế hệ kế tiếp...

Thời Nguyễn các quy chế về xây dựng đã khẳng định tính thống nhất trong việc điều hành chi phối xã hội của bộ máy nhà nước, đồng thời hiệu quả đem lại là đã tạo ra những công trình có giá trị nghệ thuật, tạo ra sự nghiêm túc trong chấp hành luật lệ, quy chế. Tuy nhiên, các quy chế này do lợi ích giai cấp, bảo vệ lợi ích quyền lợi dòng họ nên thường tập trung vào những phạm vi ở triều đình quan lại mà chưa có tính toàn diện. Những quy chế này trong thời kỳ các vua Nguyễn giai đoạn 1802-1884 được thực hiện nghiêm túc, nhưng sau đó, khi đất nước rơi vào ách đô hộ của thực dân Pháp thì việc chấp hành không còn hiệu quả cao như trước.

Nghiên cứu các quy định, quy chế xây dựng dưới triều Nguyễn không chỉ nhằm tìm hiểu về một giai đoạn lịch sử cụ thể, mà trên cơ sở kế thừa và chọn lọc những yếu tố hợp lý để từ đó rút ra những kinh nghiệm áp dụng vào việc xây dựng, quản lý đô thị, quản lý tài chính, trùng tu, tu bổ di tích hiện nay.

CHÚ THÍCH

- (1). Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1993, tập XIII, tr. 13.
- (2). *Đại Nam thực lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1965, Bản dịch Viện Sử học, tập XIII, tr. 55.
- (3). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập X, tr. 295.
- (4). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sdd, tập XIII, tr. 13.
- (5). *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1994, tập V, Điều 317, tr. 1046.

- (6). *Hoàng Việt luật lệ*, sdd, tập III, điều 156, tr. 43.
- (7). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sdd, tập XV, tr. 20.
- (8). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sdd, tập XII, tr. 508, 509.
- (9). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập XXII, tr. 93.
- (10). Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Minh Mạng chính yếu*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1994, tập III, tr. 237.
- (11). Tự Đức. *Ngự chế văn sơ tập*, quyển 5, tr. 11.
- (12). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập XVII, tr. 193-194.

KHẢO CỔ HỌC TẠI DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ...*(Tiếp theo trang 9)*

đình phục vụ khách du lịch, đồng thời tái tạo lại một phần sinh hoạt của cung đình xưa.

Nói tóm lại, các cuộc điều tra, thám sát khảo cổ học tại Cố đô Huế trong những năm qua thực sự đã đóng góp nhiều thông tin quan trọng và hiệu quả cho công tác trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa của di sản, đồng thời đã góp phần bổ sung điều chỉnh cho những thiếu sót, khoảng trống trong ghi chép về lịch sử triều Nguyễn.

Năm năm với 10 di tích được tiến hành thám sát và khai quật (trong đó có di tích phải tiến hành hai đợt thám sát) là thời gian nghiên cứu khảo cổ học chưa phải là dài, số di tích được tiếp cận chưa phải là nhiều so với một quần thể di tích rộng lớn như Huế, đặc biệt công việc đó lại nhằm phục vụ chủ yếu cho việc bảo tồn tu bổ di tích trên cơ sở kế hoạch triển khai các dự án đầu tư, vì vậy kết quả đem lại cũng còn có mặt hạn chế, cần thiết có một chiến lược lâu dài với quy mô mở rộng hơn và có sự kết hợp chặt chẽ với các nhà sử học, Huế học,

các nhà kiến trúc sư, các nhà nghệ thuật cùng các nghệ nhân để có thể thông qua đó kết quả thu lượm được sẽ toàn diện hơn. Nhưng có thể nói chặng đường vừa qua là cái mốc đánh dấu quá trình trưởng thành và khẳng định vai trò của khảo cổ học đối với công cuộc nghiên cứu và phục dựng lại một Di sản Văn hóa của nhân loại. Nhìn lại năm năm, sau một thời gian ngắn, nhưng khảo cổ học đã bắt kịp với nhịp điệu và chủ động đi trước một bước trong công tác trùng tu, tôn tạo quần thể di tích Cố đô Huế, đáp ứng chủ trương của Bộ Văn hóa - Thông tin. Khảo cổ học đã đóng góp hiệu quả và phục vụ đắc lực cho các dự án trùng tu, tôn tạo bằng những cứ liệu khoa học chân xác thu được từ lòng đất Cố đô. Với những kinh nghiệm đã đạt được trong thời gian qua, chắc chắn công tác nghiên cứu khảo cổ học sẽ tiếp tục đóng góp hơn nữa, hiệu quả hơn nữa cho dự án trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị của quần thể di tích Cố đô Huế - một quần thể kiến trúc độc đáo và đặc sắc của đất nước ta.

Huế, tháng 8-2004